

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HS-PT
Ngày 12 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 438/2025/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Trương Đình Đ; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 662/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Trương Đình Đ, sinh năm 1984, tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đăng ký thường trú: số A đường P, tổ G, khu phố A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: số 1147, Tỉnh lộ 7, ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh), nghề nghiệp: kinh doanh trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình T1 (đã chết) và bà Tạ Yến T2, sinh năm 1951; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984 và có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/02/2024 (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo do Tòa chỉ định:** Luật sư Nguyễn Thị Bích thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Trong vụ án, còn có bị cáo Ngũ Thành P, 13 bị hại và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2022, Ngũ Thành P và Trương Đình Đ làm nghề môi giới mua bán bất động sản và dịch vụ phân lô, tách thửa đất trên địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, P, Đ thống nhất thành lập Công ty TNHH B2 (gọi tắt là Công ty B2), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 14/02/2022, mã số doanh nghiệp: 3703036196, địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương do Trương Đình Đ là người đại diện theo pháp luật để kinh doanh bất động sản và làm dịch vụ liên quan đến đất đai như phân lô, tách thửa đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cập nhật đường đi. Trong quá trình hoạt động, mặc dù P, Đ không tìm hiểu quy định của Nhà nước và của địa phương về điều kiện tách thửa, chuyển mục đích quyền sử dụng đất, theo từng khu vực, từng loại đất nhưng P, Đ lại đưa ra thông tin gian dối, tư vấn và cam kết với khách hàng là Công ty B2 thực hiện được việc phân lô, tách thửa, làm cho khách hàng tin tưởng, đồng ý ký hợp đồng và giao tiền cho P, Đ. Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền của khách hàng, P, Đ không liên hệ với cơ quan chức năng để nộp hồ sơ thực hiện những nội dung đã cam kết mà cất giữ hồ sơ tại văn phòng của Công ty, sử dụng tiền đã nhận của khách hàng để chia nhau tiêu xài cá nhân và duy trì hoạt động của Công ty nhằm tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội của mình cho đến khi hành vi của P, Đ bị khách hàng phát hiện và yêu cầu trả lại tiền thì P, Đ lẩn tránh, không có khả năng trả lại tiền cho khách hàng. Do đó, các khách hàng của Công ty B2 làm đơn tố giác hành vi phạm tội của P, Đ với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Trong quá trình hoạt động, Ngũ Thành P là người quyết định chi phí dịch vụ đối với từng hợp đồng, tính toán chi phí giữ lại để thuê đơn vị đo đạc, mua trụ bê tông để phân lô trên đất, thuê nhân viên để duy trì hoạt động của Công ty, phí làm sổ, số tiền còn lại chia cho P, Đ. Đ là người trực tiếp thỏa thuận, ký kết hợp đồng với khách hàng với vai trò là Giám đốc công ty. Thời gian này, P, Đ thường thuê xe ô tô của ông Cao Văn T3 để phục vụ nhu cầu đi lại gặp gỡ khách hàng, sau khi ông T3 giới thiệu Công ty B2 cho bà Vũ Thị T4 để bà T4 giới thiệu ông Lương Đức H ký kết các hợp đồng phân lô, tách thửa với Công ty, P đề nghị Đ cho ông T3 tham gia vào hoạt động của Công ty để giảm bớt chi phí thuê xe của ông T3 và cho ông T3 góp vốn cùng P, Đ kinh doanh bất động sản cũng như tìm

kiếm khách hàng cho Công ty, Đ đồng ý. Ngày 14/2/2022, Đ ký quyết định bổ nhiệm ông T3 làm Phó giám đốc Công ty B2, T3 đồng ý dùng xe ô tô của ông T3 để chở P, Đ đi gặp gỡ khách hàng mà Công ty B2 không phải trả tiền thuê xe cho ông T3, lợi nhuận thu được qua việc ký kết các hợp đồng sẽ được chia đều cho P, Đ và ông T3. Hàng tháng, P, Đ và ông T3 có nghĩa vụ góp tiền để chi trả các khoản: Mua sắm tài sản, trả tiền thuê nhà, trả lương công nhân để duy trì hoạt động của Công ty.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 05/2022, P, Đ đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

* Hành vi liên quan đến việc ký kết hợp đồng dịch vụ tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cập nhật đường đi trên đất.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 611.000.000 đồng của ông Lục Hồng V

Ông Lục Hồng V và ông Đậu Văn C cùng nhận chuyển nhượng thửa đất số 6962, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, giao cho ông V đại diện thực hiện thủ tục tách thửa.

Ngày 11/3/2022, ông V gặp P, Đ tại nhà của ông V ở ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, ông V yêu cầu P, Đ giúp ông V làm thủ tục xóa mương nước thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cập nhật đường đi trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tách thửa đối với thửa đất số 6962, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.905,5m² tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. P, Đ cam kết Công ty B2 thực hiện được nên hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ phân lô tách thửa để tách thửa đất số 6962, diện tích 2905,5m² thành 08 thửa bằng nhau; đồng thời chuyển mục đích sử dụng 800m² đất thành đất ở. Nội dung hợp đồng thể hiện: Phí tách 01 thửa thành 08 thửa và thi công trụ bê tông 320.000.000 đồng; phí chuyển mục đích sử dụng đất 125.000.000 đồng/100m² (tổng 800m² là 1.000.000.000 đồng); phí hồ sơ thể hiện con đường trên sổ 200.000.000 đồng; phí hồ sơ xóa mương nước 100.000.000 đồng. Tổng giá trị của hợp đồng 1.620.000.000 đồng, ông V đã thanh toán 611.000.000 đồng cho Công ty B2.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.018.500.000 đồng của ông Nguyễn Quốc C1

Ngày 15/3/2022, ông Nguyễn Quốc C1 đến văn phòng Công ty B2 gặp P, Đ để nhờ Công ty tách thửa đối với 02 thửa đất tại huyện D, tỉnh Bình Dương, P, Đ cam kết thực hiện được nên hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ phân lô tách thửa gồm:

Hợp đồng tách thửa đất số 48, tờ bản đồ số 64, diện tích 4.303,3m² tại xã M, huyện D thành 17 thửa nhỏ bằng nhau, đồng thời chuyển mục đích sử dụng 1700m² của thửa đất này thành đất ở. Nội dung hợp đồng thể hiện: Phí dịch vụ tách thửa 40.000.000 đồng/thửa (tổng 17 thửa: 680.000.000 đồng); phí chuyển

mục đích 75.000.000 đồng/thửa (tổng 17 thửa 1.275.000.000 đồng). Tổng giá trị của hợp đồng 1.955.000.000 đồng, ông C1 đã thanh toán cho Công ty 586.500.000 đồng.

Hợp đồng tách thửa đất số 320, tờ bản đồ số 34 tại thị trấn D thành 18 thửa nhỏ bằng nhau, đồng thời chuyển mục đích sử dụng 100m² đất thành đất ở. Nội dung hợp đồng thể hiện: Phí dịch vụ tách thửa: 38.000.000 đồng/thửa (tổng 18 thửa 684.000.000 đồng); phí chuyển mục đích: 42.000.000 đồng/thửa (tổng 18 thửa 756.000.000 đồng). Tổng giá trị của hợp đồng 1.440.000.000 đồng, ông C1 đã thanh toán cho Công ty 432.000.000 đồng.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 448.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thùy T5

Thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Quốc C1, ngày 21/3/2022, bà Nguyễn Thị Thùy T5 gặp P, Đ tại Văn phòng Công ty B2. Tại đây, P, Đ cam kết Công ty B2 thực hiện được yêu cầu của bà T5 về việc chuyển mục đích sử dụng 1.300m² đất thuộc thửa đất số 775, tờ bản đồ số 45, diện tích 3.668,3m² tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương thành đất ở và thửa đất số 775 thành 13 thửa nhỏ nên hai bên ký Hợp đồng dịch vụ phân lô, tách thửa. Nội dung hợp đồng thể hiện: phí dịch vụ tách thửa 40.000.000 đồng/thửa (tổng 13 thửa 520.000.000 đồng); phí chuyển mục đích 75.000.000 đồng/thửa (tổng 13 thửa 975.000.000 đồng). Tổng giá trị hợp đồng 1.495.000.000 đồng, bà T5 đã thanh toán cho Công ty B2 448.000.000 đồng.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng của ông Đậu Văn C

Ngày 30/3/2022, ông Đậu Văn C và Trương Đình Đ ký hợp đồng dịch vụ phân lô tách thửa đất số 48, tờ bản đồ số 04, tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thành 02 thửa nhỏ bằng nhau. Nội dung hợp đồng thể hiện phí dịch vụ tách thửa 70.000.000 đồng, ông C đã thanh toán 35.000.000 đồng cho Công ty B2 như sau đó P, Đ không thực hiện như cam kết.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông Dương Nhật

Do có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và tách thửa đất số 121, tờ bản đồ số 82, tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thành 02 thửa nhỏ nên ngày 08/4/2022, ông Dương N liên hệ Công ty B2 để nhờ làm dịch vụ, Đ cam kết Công ty có thể làm được các yêu cầu của ông N nên hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ nhằm tách thửa đất số 121, diện tích 364,2m² thành 02 thửa nhỏ và trồng trụ bê tông, chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung hợp đồng thể hiện: phí dịch vụ tách thửa thành 02 thửa cộng với tiền trụ bê tông 60.000.000 đồng/thửa (tổng 02 thửa là: 120.000.000 đồng); phí chuyển mục đích sử dụng đất 270.000.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng 390.000.000 đồng, ông N đã thanh toán cho Công ty B2 150.000.000 đồng.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 366.000.000 đồng của ông Trần Văn T6

Ngày 22/4/2022, ông Trần Văn T6 đến văn phòng Công ty B2 gặp Đ nhờ Công ty phân lô, tách thửa đối với thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 20, tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Đ cam kết Công ty thực hiện được yêu cầu của ông T6. Sau đó, hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ phân lô tách thửa để tách thửa đất số 1686, diện tích 1.051m² thành 04 thửa bằng nhau, đồng thời chuyển mục đích sử dụng 300m² của thửa đất này lên đất ở. Nội dung hợp đồng dịch vụ thể hiện: phí dịch vụ tách thửa 40.000.000 đồng/thửa (tổng 4 thửa là 160.000.000 đồng); phí chuyển mục đích 1.300.000 đồng/m² (tổng 300m² là 390.000.000 đồng). Tổng giá trị hợp đồng 550.000.000 đồng, ông T6 đã thanh toán cho Công ty B2 366.000.000 đồng.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của ông Vương Trọng N1

Ngày 26/4/2022, ông Vương Trọng N1 gặp P, Đ tại Văn phòng luật sư của ông Đậu Văn C, địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, ông N1 đề nghị P, Đ giúp ông N1 hợp 03 thửa đất hiện hữu, sau đó tách thành 10 thửa đất nhỏ. P, Đ cam kết Công ty B2 thực hiện được nên ông N1 và Công ty B2 do Trương Đình Đ đại diện ký Hợp đồng chuyển đổi mục đích sử dụng đất với nội dung: Hợp 03 thửa đất số 164, 167, 168, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.520m², tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương thành 01 thửa, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 1.000m² rồi tách ra thành 10 thửa bằng nhau. Nội dung hợp đồng dịch vụ thể hiện: chi phí hợp 03 thửa thành 01 thửa 120.000.000 đồng; chi phí dịch vụ tách thửa và tiền trụ bê tông là 40.000.000 đồng/thửa (tổng 10 thửa 400.000.000 đồng); chi phí chuyển mục đích 125.000.000 đồng/100m² (tổng 1.000m² là 1.250.000.000 đồng). Tổng trị giá hợp đồng 1.770.000.000 đồng, chia làm nhiều đợt thanh toán, ông N1 đã cho Đ 400.000.000 đồng.

- Hành vi chiếm đoạt số tiền 265.000.000 đồng của ông Đỗ Xuân A

Ngày 06/5/2022, ông Đỗ Xuân A đến Công ty B2 gặp P, Đ nhờ Công ty cập nhật con đường trên đất lên bản đồ địa chính và phân lô, tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12 tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Đ cam kết Công ty có thể làm theo nội dung ông A mong muốn nên hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ phân lô tách thửa đối với thửa đất số 638, diện tích 504,9m² thành 03 thửa nhỏ bằng nhau; đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 240m² của thửa đất này thành đất ở. Nội dung hợp đồng thể hiện: Phí dịch vụ tách thửa 40.000.000 đồng/thửa (tổng 3 thửa 120.000.000 đồng); phí chuyển mục đích sử dụng đất 125.000.000 đồng/thửa (tổng 03 thửa là 375.000.000 đồng); phí thực hiện và cập nhật con đường trên sổ 270.000.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng 765.000.000 đồng, ông A đã thanh toán cho Đ 265.000.000 đồng.

- *Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.707.086.000 đồng của ông Lương Đức H*

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra tiếp nhận đơn tố giác của các ông Lương Đức H, Phạm Quang T7, Phạm Bảo N2, Nguyễn Mạnh B cùng tố giác Công ty B2 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua 11 hợp đồng phân lô, tách thửa đối với 15 thửa đất để chiếm đoạt số tiền 5.169.574.000 đồng của ông H. Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra mời ông H, T7, N2, B đến làm việc thì những người tố giác không đến làm việc, không hợp tác cung cấp chứng cứ cho Cơ quan điều tra. Mặc dù ông H, T7, N2, B tố giác P, Đ chiếm đoạt 5.169.574.000 đồng của ông H nhưng quá trình điều tra chỉ có chứng cứ chứng minh P, Đ chiếm đoạt của ông H số tiền 1.707.086.000 đồng, cụ thể:

Thông qua mối quan hệ quen biết, bà Vũ Thị T4 giới thiệu ông Lương Đức H với Công ty B2 để hợp đồng làm dịch vụ phân lô, tách thửa đối với 08 thửa đất gồm:

Hợp đồng đặt cọc đợt 1 ngày 21/02/2022 đối với thửa đất số 411, tờ bản đồ số 18, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 47.500.000 đồng;

Hợp đồng đặt cọc đợt 2 ngày 21/02/2022 đối với thửa đất số 417 tờ bản đồ số 45, thửa 602 tờ bản đồ số 22, thửa 783 tờ bản đồ số 17; thửa 259 và 260 tờ bản đồ số 33, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 534.586.000 đồng;

Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/02/2022 đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 45, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 202.500.000 đồng;

Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/03/2022 đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 27, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 157.500.000 đồng;

Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/3/2022 đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 43, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 405.000.000 đồng;

Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/3/2022 đối với thửa đất số 762, tờ bản đồ số 45, ông H đã thanh toán cho Công ty B2 360.000.000 đồng.

Trương Đình Đ và Ngũ Thành P thừa nhận đã nhận của ông Lương Đức H tổng cộng 1.707.086.000 đồng là chi phí thực hiện 06 hợp đồng này.

Mặc dù kết quả sao kê tài khoản số 060217570983- S của Trương Đình Đ thể hiện từ ngày 21/01/2022 đến ngày 25/3/2022, ông Lương Đức H đã chuyển vào tài khoản của Đ tổng cộng 4.389.824.000 đồng nhưng quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh Trương Đình Đ và Ngũ Thành P chiếm đoạt số tiền 3.466.488.000 đồng còn lại của ông H thông qua các hợp đồng phân lô, tách thửa đối với 09 thửa đất gồm: thửa số 99, tờ bản đồ số 28; thửa số 327, tờ bản đồ số 15; thửa số 327, tờ bản đồ số 15; thửa số 327, tờ bản đồ số 15; thửa số 108 và số 55, tờ bản đồ số 05; thửa số 30, tờ bản đồ số 05; thửa số 259 và số 260, tờ bản đồ

số 32; thửa số 441, tờ bản đồ số 18 tại huyện D, tỉnh Bình Dương; thửa số 100, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn P, huyện D, tỉnh Tây Ninh như trong nội dung đơn tố giác của ông Lương Đức H.

* Hành vi liên quan đến thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Khoảng tháng 01/2022, ông Lục Hồng V cần phân lô, tách thửa đối với các thửa đất số 456, 459, 460, tờ bản đồ số 18, tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên đề nghị P, Đ giúp ông V liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục. P, Đ cam kết thực hiện được nội dung ông V yêu cầu và nhận lời thực hiện dịch vụ hợp thửa đối với các thửa đất số 456, 459, 460, sau đó tách thành 11 thửa nhỏ, trong đó 08 thửa thuộc quyền sở hữu của ông V, được đánh số từ 01 – 08, phần còn lại sẽ giao lại cho gia đình ông V đứng tên chủ sở hữu.

Lúc này, ông V không có tiền nên thỏa thuận chuyển nhượng cho P, Đ 02 thửa đất trong số 08 thửa sẽ tách ra, tiền đặt cọc 02 thửa đất này là 100.000.000 đồng sẽ được cân trừ qua chi phí P, Đ làm dịch vụ tách thửa. Đồng thời, ông V chuyển nhượng cho ông Dương Văn H1 02 thửa trong số 08 thửa sẽ tách ra, sau khi trả tiền cho ông V, ông H1 chuyển nhượng cho P, Đ 02 thửa đất này. Các thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, P và Đ cam kết với ông V sẽ thực hiện thủ tục hợp thửa, tách thửa và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận với ông V, P, Đ không liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục. Mặc dù các thửa đất P, Đ nhận chuyển nhượng của ông V và ông H1 không đủ điều kiện để tách thửa nhưng P, Đ vẫn đưa ra thông tin gian dối, cam kết với người nhận chuyển nhượng là các thửa đất này đủ điều kiện tách thửa để chuyển nhượng cho họ nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- *Chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị A1*

Ngày 06/01/2022, Trương Đình Đ ký hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị A1 thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất, có diện tích 175m² (ngang 5m, dài 35m) với giá 740.000.000 đồng và nhận của bà A1 100.000.000 đồng đặt cọc, Đ cam kết đến ngày 06/04/2022 hai bên sẽ công chứng Hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà A1, P, Đ đã không thực hiện được nội dung đã cam kết.

- *Chiếm đoạt số tiền 260.000.000 đồng của ông Đỗ Khắc K*

Ngày 10/01/2022, Trương Đình Đ ký kết hợp đồng đặt cọc với ông Đỗ Khắc K thỏa thuận chuyển nhượng 02 lô đất, mỗi lô có chiều ngang là 5m, dài 35m, diện tích 175m² với giá 1.470.000.000 đồng và nhận của ông K 260.000.000 đồng đặt cọc. Đ cam kết đến ngày 10/4/2022 hai bên sẽ công chứng Hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông K, P, Đ không thể thực hiện được nội dung đã cam kết.

- Chiếm đoạt số tiền 240.000.000 đồng của bà Phùng Thị Đ1

Ngày 16/01/2022, Trương Đình Đ ký hợp đồng đặt cọc với bà Phùng Thị Đ1 thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất, có diện tích 175m² (ngang 5m, dài 35m) với giá 740.000.000 đồng và nhận của bà Đ1 240.000.000 đồng đặt cọc. Đ cam kết đến ngày 16/4/2022 hai bên sẽ công chứng hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà Đ1, P, Đ đã không thể thực hiện như nội dung đã cam kết.

- Chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành T8

Ngày 26/3/2022, Trương Đình Đ ký hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Thành T8 thỏa thuận chuyển nhượng lô đất có diện tích 175m² (ngang 5m, dài 35m) với giá 840.000.000 đồng và nhận của ông T8 100.000.000 đồng tiền đặt cọc. Đ cam kết đến ngày 16/5/2022 hai bên sẽ công chứng hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông T8, P, Đ đã không thể thực hiện như nội dung đã cam kết

Tổng số tiền Ngũ Thành P và Trương Đình Đ đã chiếm đoạt 5.700.586.000 đồng, gồm: 5.000.586.000 đồng thông qua việc thỏa thuận chuyển mục đích sử dụng đất, hợp thửa, tách thửa... và 700.000.000 đồng thông qua việc thỏa thuận chuyển nhượng 04 lô đất thuộc các thửa đất số 456, 459, 460, tờ bản đồ số 18, tại ấp G, xã T, huyện D của ông Lục Hồng V. Số tiền này, P, Đ giữ lại một phần để đo đạc, mua trụ bê tông, thuê công nhân... chia cho Cao Văn T3 khoảng 40.000.000 đồng và trả cho T3 4 tháng lương 80.000.000 đồng, phần còn lại P, Đ chia nhau tiêu xài hết.

- Ngày 23/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 4672/QĐ-CSKT-Đ1, trưng cầu Giám định viên thuộc Phòng K1 Công an tỉnh B giám định hình dấu, chữ ký, vân tay trên tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra vụ án, bao gồm:

+ Chứng chỉ sơ cấp tên Phạm Thanh H2 do Sở Giao thông - Vận tải Thành phố H cấp ngày 05/01/2021.

+ Bảng tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, họ và tên Phạm Thanh H2, do Sở Giao thông - Vận tải Thành phố H cấp ngày 05/01/2021.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 08/4/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện và ông Dương N, địa chỉ: G, T, Bình Thuận.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 22/4/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Trần Văn T6 địa chỉ: Tổ G, ấp H, L, B, Bình Dương.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 11/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lục Hồng V, địa chỉ: ấp C, Trừ Văn T9, B, Bình Dương.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 06/5/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Đỗ Xuân A, địa chỉ: H, B, Bình Dương.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 30/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Đậu Văn C, địa chỉ: Ấp H, L, B, Bình Dương.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 15/3/2022 Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Nguyễn Quốc C1, địa chỉ: xã L, D, Bình Dương.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 03/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và Nguyễn Thị T10, địa chỉ: ấp L, xã L, D, Bình Dương (ông Nguyễn Quốc C1 ký thay) (02 bản).

+ Hợp đồng chuyển đổi mục đích sử dụng đất ngày 26/4/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Vương Trọng N1, địa chỉ: xã T, B, Bình Dương (kèm Phụ lục ngày 26/4/2022).

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 21/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và bà Nguyễn Thị Thùy T5, địa chỉ: ấp H, xã Đ, D, Bình Dương.

+ Hợp đồng đặt cọc ngày 06/01/2022 giữa Trương Đình Đ và Nguyễn Thị A1.

+ Hợp đồng đặt cọc ngày 26/3/2022 giữa Trương Đình Đ và Nguyễn Thành T8.

+ Hợp đồng đặt cọc ngày 16/01/2022 giữa Trương Đình Đ và Phùng Thị Đ1.

+ Hợp đồng đặt cọc ngày 10/01/2022 giữa Trương Đình Đ và Đỗ Khắc K.

+ Hợp đồng đặt cọc đợt 1 ngày 21/02/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 411, tờ bản đồ số 18.

+ Hợp đồng đặt cọc đợt 2 ngày 21/02/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 417 tờ bản đồ số 45, thửa 602 tờ bản đồ số 22, thửa 783 tờ bản đồ số 17.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/02/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 45.

+ Biên bản nhận cọc đợt 1 ngày 23/02/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 45.

+ Biên nhận (về việc nhận tiền đặt cọc của khách hàng) ngày 25/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 27.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/03/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 27 (2 bản).

+ Biên nhận (về việc nhận tiền đặt cọc của khách hàng) ngày 25/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 43.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 43 (2 bản).

+ Biên nhận (về việc nhận tiền đặt cọc của khách hàng) ngày 25/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 762, tờ bản đồ số 45.

+ Biên nhận (về việc nhận tiền đặt cọc của khách hàng) ngày 28/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Hoàng Quốc D1, địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 907, tờ bản đồ số 45.

+ Hợp đồng phân lô tách thửa ngày 23/3/2022 giữa Công ty TNHH B2 do Trương Đình Đ đại diện (ký tên, đóng dấu) và ông Lương Đức H, địa chỉ: T, TP T, tỉnh Thái Bình đối với thửa đất số 762, tờ bản đồ số 45 (2 bản).

- Căn cứ Kết luận giám định số 174/KL-KTHS(TL+ĐV) ngày 10/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận:

+ Hình dấu tròn trên Chứng chỉ sơ cấp, Bảng tổng hợp kết quả sát hạch lái xe tên Phạm Thanh H2 do Sở Giao thông - Vận tải Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký, 02 (hai) dấu vân tay tên “Trương Đình Đ” và hình dấu tròn “Công ty TNHH B2 bất động sản Hậu Đạt” trên các tài liệu cần giám định là chữ ký, dấu vân tay của Trương Đình Đ và là hình dấu của Công ty TNHH B2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 662/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Đình Đ 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/02/2024.

2/. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 288; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Ngũ Thành P, Trương Đình Đ phải liên đới bồi thường cho các bị hại như sau:

Bồi thường cho ông Lục Hồng V số tiền 611.000.000 (sáu trăm mười một triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Nguyễn Quốc C1 số tiền 1.018.500.000 (một tỷ không trăm mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy T5 số tiền 448.000.000 (bốn trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đậu Văn C số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Dương N số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Trần Văn T6 số tiền 366.000.000 (ba trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Vương Trọng N1 số tiền 625.000.000 (sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đỗ Xuân A số tiền 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Lương Đức H số tiền 1.707.086.000 (một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị A1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đỗ Khắc K số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho bà Phùng Thị Đ1 số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Nguyễn Thành T8 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Ngũ Thành P, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 28/9/2025, bị cáo Trương Đình Đ có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và giảm trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 17 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và buộc bị cáo liên đới bồi thường tiền chiếm đoạt cho các bị hại là có căn cứ, đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo – Luật sư Nguyễn Thị B1 trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình trạng sức khỏe của bị cáo bị mất 01 phần não; bản thân bị cáo chỉ giúp sức; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt và một phần trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Đình Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong vụ án, bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022, Ngũ Thành P và Trương Đình Đ thành lập Công ty TNHH B2, nhân danh pháp nhân, các bị cáo đưa ra thông tin gian dối với khách hàng về việc Công ty có khả năng thực hiện dịch vụ phân lô, tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất...đối với các thửa đất tại tỉnh Bình Dương và huyện C (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để khách hàng tin tưởng, ký hợp đồng với Công ty B2 và giao tiền cho P, Đ để thực hiện dịch vụ trong khi các thửa đất này không đủ điều kiện để tách thửa, chuyển mục đích sử dụng. Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền của khách hàng, P, Đ không liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục như đã cam kết, sử dụng số tiền 5.925.586.000 đồng chiếm đoạt vào mục đích cá nhân.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trương Đình Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Đình Đ:

[2.2.1] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; từ đó áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 17 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.2.2] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo Trương Đình Đ cùng Ngũ Thành P chiếm đoạt của các bị hại gồm: ông Lục Hồng V 611.000.000 đồng, ông Nguyễn Quốc C1 1.018.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T5 448.000.000 đồng, ông Đậu Văn C 35.000.000 đồng, ông Dương N 150.000.000 đồng, ông Trần Văn T6 366.000.000 đồng, ông Vương Trọng N1 625.000.000 đồng, ông Đỗ Xuân A 265.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị A1 100.000.000 đồng, ông Đỗ Khắc K 260.000.000 đồng, bà Phùng Thị Đ1 240.000.000 đồng, bà Nguyễn Thành T8 100.000.000 đồng, ông Lương Đức H 1.707.086.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của các bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm buộc hai bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại là đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 288; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Trương Đình Đ kháng cáo xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bị cáo Trương Đình Đ không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trương Đình Đ phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Đình Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 662/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Trương Đình Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Đình Đ 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/02/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 288; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Ngũ Thành P, Trương Đình Đ phải liên đới bồi thường cho các bị hại như sau:

Bồi thường cho ông Lục Hồng V số tiền 611.000.000 (sáu trăm mười một triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Nguyễn Quốc C1 số tiền 1.018.500.000 (một tỷ không trăm mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy T5 số tiền 448.000.000 (bốn trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đậu Văn C số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Dương N số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Trần Văn T6 số tiền 366.000.000 (ba trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Vương Trọng N1 số tiền 625.000.000 (sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đỗ Xuân A số tiền 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Lương Đức H số tiền 1.707.086.000 (một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị A1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Đỗ Khắc K số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho bà Phùng Thị Đ1 số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

Bồi thường cho ông Nguyễn Thành T8 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Bị cáo Trương Đình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- THADS TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (2);
- Bị cáo (1);
- Lưu VP(5), HS(2).17b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng